

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/HSPT  
Ngày 29 tháng 12 năm 2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Điền

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tiến  
Ông Võ Ngọc Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo TRƯƠNG VĂN T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**Bị cáo có kháng cáo: TRƯƠNG VĂN T** (tên thường gọi: T Đen) sinh năm 1974 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT: phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi ở: phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc M và bà Hồ Thị C (đều đã chết); có vợ là Ngô Thị Mỹ T và 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 12/01/2017; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập xác định TRƯƠNG VĂN T có dấu hiệu của tội phạm mua bán trái phép chất ma túy, vào lúc 18 giờ 50' ngày 12/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định đã ra lệnh bắt khẩn cấp và khám xét nơi ở của TRƯƠNG VĂN T tại phường Q, thành phố Q, tỉnh

Bình Định thu giữ 13 gói nilon, bên trong có chứa tinh thể dạng hạt không màu. TRƯƠNG VĂN T khai đó là ma túy đá (Methamphetamine), T mua để sử dụng và bán lại cho một số đối tượng khác.

Quá trình điều tra, TRƯƠNG VĂN T khai nhận bản thân bắt đầu sử dụng ma túy từ tháng 9/2015. Để có ma túy sử dụng và bán lại kiếm lời nên từ đầu tháng 01/2017, T đã liên lạc với người phụ nữ tên Vy (không rõ họ tên và địa chỉ) để mua 2 lần với tổng khối lượng là 55 gam ma túy đá. Lần thứ nhất, T mua “1 hộp 5”, khối lượng 5 gam với giá 4.000.000 đồng; lần thứ hai, T mua “10 hộp 5”, khối lượng 50 gam với giá 40.000.000 đồng (đã trả được 27.000.000 đồng, còn nợ 13.000.000 đồng).

Sau khi mua được ma túy, T đã sử dụng hết 3,8559 gam; cất dấu và bị thu giữ 48,5695 gam; phân ra thành 12 gói nhỏ với tổng khối lượng là 2,5746 gam để bán cho các đối tượng nghiện, thu lợi bất chính 6.191.000 đồng, cụ thể:

- Tháng 01/2017, T bán cho Châu Thị Hồng L 2 lần 2 gói với tổng khối lượng 0,5612 gam, thu 2.000.000 đồng (Hiện nay L đang bị bắt tạm giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”);

- Ngày 05 và ngày 06/01/2017, T bán cho Hà Anh T 2 lần 2 gói với tổng khối lượng 0,8254 gam, thu 2.750.000 đồng (Hiện nay T đang bị bắt tạm giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”);

- Ngày 10 và ngày 11/01/2017, T bán cho Nguyễn Minh N 2 lần 2 gói, với tổng khối lượng 0,297 gam, thu 1.000.000 đồng; bán cho Phạm Hoàng Quốc V 2 lần 2 gói, với tổng khối lượng 0,297 gam, thu 1.000.000 đồng; bán cho Phạm Đình S 2 lần 2 gói, với tổng khối lượng 0,297 gam, thu 1.000.000 đồng.

- Ngày 11 và ngày 12/01/2017, T bán cho Trương Đại K 2 lần 2 gói với tổng khối lượng 0,297 gam, thu 500.000 đồng (Kỳ còn nợ T 500.000 đồng);

Tại bản kết luận giám định số 07/GĐ-PC54 ngày 16/01/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định đã kết luận: Các hạt tinh thể bên trong 13 gói nilon thu giữ của TRƯƠNG VĂN T có tổng trọng lượng là 48,5695 gam có Methamphetamine.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm 38/2017/HS-ST ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:**

Tuyên bố bị cáo TRƯƠNG VĂN T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo TRƯƠNG VĂN T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2017.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng; áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và phổ biến về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2017, bị cáo TRƯƠNG VĂN T kháng cáo xin giảm nhẹ hình

phạt.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị Mỹ T là vợ bị cáo xuất trình “Biên lai thu tiền” số 05740 ngày 29/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định với số tiền đã thu là 7.250.000 đồng và trình bày đây là khoản tiền gia đình bị cáo đã nộp thay TRƯƠNG VĂN T về khoản tiền do bị cáo phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Trên cơ sở lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo T là đối tượng nghiện ma túy, đã 2 lần mua 55 gam ma túy đá để sử dụng và bán lại 12 lần cho 6 đối tượng khác để kiếm lợi bất chính. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét khối lượng ma túy mà T mua để sử dụng là có thiếu sót nhưng do bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, không có kháng nghị nên không xem xét phần thiếu sót nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đã nộp thêm hơn 7 triệu đồng là tiền tiết kiệm. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu và phải chịu 2 tiền tiết kiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự nên hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo T là phù hợp. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo TRƯƠNG VĂN T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; biên bản thu giữ đồ vật; kết luận giám định; lời khai nhận của các đối tượng đã mua ma túy của T và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định: Bị cáo TRƯƠNG VĂN T bắt đầu sử dụng ma túy từ tháng 9/2015. Để có ma túy sử dụng, đầu tháng 01/2017 T đã mua 2 lần với tổng khối lượng là 55 gam ma túy đá (Methamphetamine) mang về nhà tàng trữ và phân ra từng gói nhỏ; T đã sử dụng hết 3,8559 gam, bán cho 6 đối tượng nghiện ma túy khác 12 gói với tổng khối lượng 2,5746 gam và bị phát hiện thu giữ quả tang tại nơi ở của T đang tàng trữ 48,5695 gam ma túy đá.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị cáo T là người nghiện ma túy, bị cáo đã mua 55 gam ma túy về tàng trữ để sử dụng và bán lại cho các đối tượng khác như đã nêu trên; còn lại 48,5695 gam bị cáo đang tàng trữ cũng nhằm để sử dụng và bán lại cho người khác thì bị phát hiện thu giữ quả tang, không có căn cứ khẳng định toàn bộ khối lượng bị cáo tàng trữ này là để nhằm bán cho người khác. Căn cứ hướng dẫn tại tiết b tiểu mục 3.5 mục 3 phần I và tiểu mục 3.1, 3.3 mục 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự thì bị cáo TRUÔNG VĂN T phải chịu trách nhiệm hình sự với tội danh đầy đủ đối với tất cả các hành vi đã được thực hiện theo điều luật tương ứng và chỉ phải chịu một hình phạt. Theo đó, hành vi mà bị cáo TRUÔNG VĂN T thực hiện đã phạm vào tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần” và “Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam” theo quy định tại các điểm b, m khoản 2 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” với tổng khối lượng là 51,1441 gam ma túy đá (đã bán cho 6 đối tượng 2,5746 gam và cất giữ 48,5695 gam) là chưa đầy đủ, thiếu chính xác, dẫn đến việc quyết định mức hình phạt đối với bị cáo chưa đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị về nội dung này nên Hội đồng xét xử giữ nguyên tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng khung hình phạt; xem xét thái độ bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, theo phân tích tại mục [2] nêu trên thì Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với toàn bộ khối lượng ma túy đá bị thu giữ, mà không xem xét đầy đủ việc bị cáo là người nghiện đã mua và tàng trữ chủ yếu với mục đích nhằm để sử dụng nên đã quyết định mức hình phạt 9 năm tù là chưa đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội từ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, chị Ngô Thị Mỹ T là vợ bị cáo xuất trình biên lai đã nộp thay TRUÔNG VĂN T số tiền 7.250.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước theo quyết định của Bản án sơ thẩm cũng thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm để quyết định một mức hình phạt bảo đảm tương xứng và đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo và các căn cứ quyết định hình phạt khác theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo có kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003: Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo **TRƯỜNG VĂN T.**

Áp dụng điểm b và điểm m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: **Xử phạt bị cáo TRƯỜNG VĂN T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2017.

**2.** Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng; áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Điền**